TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/KDTM-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hồng Gấm;

- Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2025/TLST-KDTM ngày 04/3/2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2025; quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T, địa chỉ: Thửa đất số 527, tờ bản đồ số 6, tổ 3, khu phố B, phường Tân H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: Số 58, đường 81, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền số 01/2025/VT ngày 19/02/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH TM D, địa chỉ: Thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30, đường T, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ liên hệ: Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2025); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2025, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) và công ty TNHH TM D (sau đây viết tắt là công ty D) đã kí kết hợp đồng nguyên tắc số 0803/VT-TBQ/2024 vào ngày 01/03/2024 với nội dung mua bán các sản phẩm bao bì giấy carton. Thời gian đầu việc thực hiện hợp đồng được diễn ra theo đúng quy định. Căn cứ vào các hóa đơn mua hàng của công ty D thì Công ty T sẽ giao hàng như yêu cầu. Tuy nhiên đối với hoá đơn từ ngày 17/07/2024 công ty D đã không thanh toán theo đúng thời hạn quy định. Tổng cộng, Công ty T đã giao hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho công ty D 76 lần với tổng số tiền là 16.171.344.762 đồng. Tuy nhiên công ty D mới thanh toán cho Công ty T số tiền 12.471.344.762 đồng.

Sau khi Công ty T khởi kiện tại Tòa án thì Công ty D có thanh toán thêm số tiền là 300.000.000 đồng cho Công ty T. Như vậy, số tiền mà công ty D hiện chưa thanh toán cho Công ty T là 3.400.0000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty D phải thanh toán cho Công ty T số tiền 3.400.0000.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/09/2024 đến ngày khởi kiện tạm tính là 296.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty D phải trả cho Công ty T là 3.696.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất với đại diện nguyên đơn về việc giữa Công ty T và Công ty D đã kí kết hợp đồng nguyên tắc số 0803/VT-TBQ/2024 vào ngày 01/03/2024 với nội dung mua bán các sản phẩm bao bì giấy carton. Tổng số tiền hàng gốc hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn là 3.400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Công ty D chưa thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cho Công ty T. Bị đơn đưa ra hướng giải quyết là hàng tháng sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền từ 300.000.000 đồng - 500.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn giảm tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/09/2024 đến ngày khởi kiện tạm tính là 296.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên trình bày theo nội dung đơn khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Buộc Công ty D phải thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc là 3.400.0000.000 đồng và lãi suất 8%/tổng số tiền vi phạm (3.400.000.000 đồng) là 272.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty D phải trả cho Công ty T là 3.672.000.000 đồng.

- Bị đơn: Thống nhất với số tiền nợ gốc và tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa. Tuy nhiên, yêu cầu được thanh toán theo từng đợt từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng/lần cho đến khi thanh toán xong và xin không phải trả tiền lãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty D có trụ sở hoạt động tại phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn Công ty D thanh toán tiền nợ gốc là 3.400.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 8%/tổng số tiền vi phạm là 272.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty D phải trả cho Công ty T là 3.672.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo nội dung của Hợp đồng nguyên tắc số 0803/VT-TBQ/2024 ngày 01/3/2024:

Công ty T và Công ty D ký hợp đồng với nội dung Công ty T cung cấp mặt hàng bao bì giấy carton; hợp đồng thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật thương mại nên có hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ 3.400.000.000 đồng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty T giao nộp là Hợp đồng nguyên tắc số 0803/VT-TBQ/2024 ngày 01/3/2024, hóa đơn giá trị gia tăng và bị

đơn thừa nhận có mua hàng của nguyên đơn nên có căn cứ xác định Công ty T đã giao hàng hóa cho Công ty D.

Quá trình Tòa giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn xác định tổng số tiền hàng nguyên đơn cung cấp cho bị đơn được thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án là 16.171.344.762 đồng. Nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận bị đơn đã thanh toán số tiền 12.771.344.762 đồng, số tiền còn lại bị đơn chưa thanh toán là 3.400.000.000 đồng. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Tại Điều 4 và Điều 6 của Hợp đồng nguyên tắc số 0803/VT-TBQ/2024 ngày 01/3/2024, các bên thỏa thuận tiền hàng sẽ được thanh toán trong 30 ngày kể từ ngày Công ty T giao đủ hàng cho Công ty D và xuất hóa đơn giá trị gia tăng, trường hợp trễ quá 10 ngày trở lên so với thời hạn thanh toán mà Công ty D không thanh toán cho Công ty T đúng hạn thì Công ty D phải chịu 8% trên tổng giá trị hợp đồng. Công ty D phải chịu tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức 8% trên tổng giá trị hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 300 và Điều 301 Luật thương mại. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 8%/tháng trên số tiền chậm trả là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 272.000.000 đồng.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì nguyên đơn là người có yêu cầu nên phải chịu chi phí tố tụng này.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39, 92, 147, 180, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 300, 301, 302, 306 và 319 của Luật Thương mại;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH TM D về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền là 3.672.000.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 3.400.000.000 đồng *(Ba tỷ bốn trăm triệu đồng)* và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 272.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: 7.000.000 đồng, nguyên đơn Công ty TNHH T phải chịu. Công ty TNHH T đã thực hiện xong.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH T không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 55.960.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005013 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3.2. Công ty TNHH D phải chịu số tiền 105.440.000 đồng *(Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thành Hiệp